

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày: 16-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam
Ông Mai Khắc Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Minh P, sinh năm 1999, căn cước công dân số 075099007476 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số D, tổ B, ấp G, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Minh Đ (1973) và bà Lâm Thị Mỹ D (1978); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em và chưa có vợ, con.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực T. (Có mặt)

2. Cao Hoàng Anh T, sinh năm 2003, căn cước công dân số 075203013995 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 2, tổ A, ấp D, xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Viết T1 (1963) và bà Đào Thị Đ1 (1967); Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm anh chị em và chưa có vợ, con.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực T. (Có mặt)

3. Nguyễn Minh H, sinh năm 2004, căn cước công dân số 075204018152 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 4, ấp D, xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh H1 (1982) và bà Vũ Thị Ngọc C (1987); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em và chưa có vợ, con.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực T. (Có mặt)

4. Phạm Thị Bạch Tuyết N, sinh năm 2004, căn cước công dân số 075304022217 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Đ, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Thành T2 (Chết) và bà Nguyễn Thị N1 (1983); Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba anh chị em và chưa có chồng, con.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp D, xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Đ, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Đặng Khánh V, sinh năm 2003; Nơi cư trú: Số H, ấp V, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Ông Vũ Ngọc Đ2, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Số I, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 01 giờ ngày 10/12/2024, Công an xã G kiểm tra tại nhà bà Nguyễn Thị N1 thuộc đội D, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai, bắt quả tang 05 đối tượng đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H, Phạm Thị Bạch Tuyết N và Đặng Khánh V; phát hiện một đĩa nhựa màu trắng (có dòng chữ chén bát Hưng Phát 01237464609) trên đĩa có chứa chất bột màu trắng, một ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, một loa JBL GO3. Qua test nhanh cả 05 đối tượng trên đều dương tính với ma túy dạng MDMA. Công an xã G lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ ngày 09/12/2024, Trịnh Minh P cùng Nguyễn Minh H và Cao Hoàng Anh T uống rượu chung với nhau tại nhà T tại đội B, ấp D, xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai. Trong khi uống rượu P, H và T thống nhất với nhau góp tiền để mua một gói ma túy khay (khoảng 2 chम्म) với giá 1.200.000 đồng mang đến nhà Phạm Thị Bạch Tuyết N (bạn gái của T) để sử dụng chung. P ứng trước tiền để mua ma túy còn T và H mỗi người sẽ trả sau cho P mỗi người số tiền là 400.000 đồng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, P sử dụng xe mô tô biển số 60H1-586.98 đi mua ma túy, còn T và H ở nhà đợi. P đi đến khu vực gần quán K thuộc xã P, huyện Đ (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai gặp một nam thanh niên hỏi mua một gói ma túy thì người này đồng ý và lấy điện thoại ra gọi cho một người thanh niên rồi đưa điện thoại để cho P nói chuyện với người bán ma túy, P hỏi mua một gói ma túy của người này với số tiền 1.200.000 đồng, người bán ma túy đồng ý. Sau đó, P được hướng dẫn đi ra hướng đường QL20 sẽ có người chờ đưa ma túy, khi P đi ra thì gặp một người đàn ông chạy xe mô tô đến gặp để lấy tiền và chỉ địa điểm giấu ma túy tại gốc cây bên đường, P đưa số tiền 1.200.000 đồng cho người đàn ông rồi điều khiển xe chạy đến gốc cây bên đường để lấy ma túy.

Sau khi lấy ma túy, P gọi cho T yêu cầu đến đầu đường T, thuộc xã G, huyện T (nay là xã T), tỉnh Đồng Nai để đưa ma túy cho T và H mang về nhà của N trước, còn P đi đón bạn gái Đặng Khánh V đến để sử dụng ma túy cùng. Khoảng 15 phút sau, T chở H đến, N mở cửa dẫn T và H vào phòng ngủ, khi vào phòng T nói N lấy đĩa để sử dụng ma túy, N đồng ý và xuống bếp lấy một đĩa nhựa màu trắng (có dòng chữ chén bát H 01237464609) mang vào để trên giường. T đưa cho H một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng để H quấn làm ống hút, sau đó T lấy điện thoại của mình và chiếc loa điện tử JBL ra mở nhạc, rồi mở gói nilong chứa ma túy đổ một nửa ra đĩa nhựa, phần ma túy còn lại trong gói nilon T để trên giường. Khoảng 23 giờ cùng ngày, P chở V đến nhà N, N ra mở cửa, dẫn P và V vào phòng thì cả nhóm bắt đầu sử dụng ma túy, ai sử dụng người đó tự chia thành từng đường và tự sử dụng, P là người sử dụng đầu tiên, sau đó lần lượt đến T, N, H và V cùng sử dụng, sau khi sử dụng hết số ma túy trên đĩa thì P lấy tiếp số ma túy còn lại trong gói nilon mà T đã để trên giường trước đó và đổ hết ra đĩa, P dùng 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị Bạch Tuyết N nghiền ma túy ra thành bột, sau đó chia nhỏ ma túy trên đĩa ra thành từng phần và mọi người tiếp tục sử dụng. Mọi

người cùng nhau sử dụng ma túy đến khoảng 01 giờ ngày 10/12/2024 thì Công an xã G đến kiểm tra đã phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại Kết luận giám định số 2539/KL-KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,2190 gam, loại: Ketamine.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 16/CT-VKSKV4 ngày 18/8/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Minh P từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) năm tù; xử phạt các bị cáo Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H và Phạm Thị Bạch Tuyết N mỗi bị cáo từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Hoàng A, người làm chứng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời

khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 10/12/2024 Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T và Nguyễn Minh H đã thỏa thuận góp tiền để mua ma túy rồi đem đến nhà của Phạm Thị Bạch Tuyết N tại đội 4, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai để sử dụng và được N đồng ý. Sau đó, P tự ứng tiền đi mua ma túy (1.200.000 đồng) rồi đưa cho T đem đến nhà của N, N đã chuẩn bị một đĩa nhựa màu trắng, 01 căn cước công dân của N để kê ma túy, T chuẩn bị loa nghe nhạc và tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng làm ông hút, P chở bạn gái của mình là Đặng Khánh V cùng đến nhà của N để cả bọn cùng nhau sử dụng ma túy thì bị Công an xã G phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Như vậy, hành vi của Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H và Phạm Thị Bạch Tuyết N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. ... b) Đối với 02 người trở lên*”. Do đó, Cáo trạng số 16/CT-VKSKV4 ngày 18/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:* Xét tính chất của vụ án thấy rằng, tình hình tội phạm ma túy nói chung và trên địa bàn xã G nói riêng có chiều hướng phức tạp, với tính chất ngày càng nghiêm trọng, gây nhức nhối cho xã hội và trở thành nỗi lo của nhiều gia đình. Hậu quả do tệ nạn ma túy gây ra rất nghiêm trọng, làm tổn hại sức khỏe của một bộ phận nhân dân, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đa số đều có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; bản thân các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai có ông cậu là người có công với cách mạng nhưng bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

[5] *Về quyết định hình phạt:*

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội (P, T, H thỏa thuận chia ba số tiền mua ma túy; P là người trực tiếp đi mua ma túy; T chuẩn bị loa nghe nhạc và tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng làm ống hút, N chuẩn bị địa điểm, đĩa nhựa và thẻ căn cước công dân để chia ma túy). Tuy nhiên, hành vi của P có vai trò tích cực hơn (mặc dù H và T chưa góp tiền nhưng P đã tự ứng tiền trước (1.200.000 đồng) để mua ma túy; sau khi mua được ma túy P hẹn T và H đến lấy ma túy đưa về nhà N trước rồi đi chờ bạn gái đến nhà N để cả bọn cùng nhau sử dụng ma túy) nên mức hình phạt của P sẽ cao hơn các bị cáo còn lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...*”. Tuy nhiên, do các bị cáo không có thu nhập và tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về các biện pháp tư pháp:*

- Một phong bì niêm phong theo Kết luận giám định số 2539/KL-KTHS của Phòng K1 Công an tỉnh Đ ngày 17/12/2024 (chứa khối lượng ma túy còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành và một đĩa nhựa màu trắng (có dòng chữ chén bát H 01237464609) là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Một ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), một loa JBL GO3 và một điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, số thuê bao 0339046839 của Cao Hoàng Anh T; Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu trắng, số thuê bao 0969605720 của Trịnh Minh P; Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số thuê bao 0352970928 của Phạm Thị Bạch Tuyết N. Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng các tang vật trên để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Một điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số thuê bao 0374128163, số IMEI 352839112540245; IMEI2 352839112709337 là tài sản của chị Đặng Khánh V; Một điện thoại di động hiệu Iphone X, số thuê bao 0352300522, số IMEI 354842097215427; MEID 35484209721542 là tài sản của Nguyễn Minh H. Qua điều tra xác định không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu (Theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số C243/QĐ-CSMT ngày 28/6/2025 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 06/7/2025) là phù hợp.

- Một thẻ Căn cước công dân số 075304022217 mang tên Phạm Thị Bạch Tuyết N nên trả lại cho bị cáo.

- Một xe mô tô hiệu Honda, loại Future, mang biển số 60H1-586.98, số khung: RLHJC7654NY338310; số máy: JC90E0348215 thu giữ của Trịnh Minh P. Quá trình xác minh xác định xe mô tô trên là của anh Nguyễn Hoàng A. Chiều ngày 09/12/2024, P đến nhà của A nói cho P mượn xe đi công việc, xong việc P về trả xe lại cho A, thì A đồng ý. Việc P sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội thì A không biết nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai đã trả lại cho chủ sở hữu (*Theo Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKSKV4 và Biên bản giao nhận cùng ngày 22/7/2025*) là có căn cứ.

- Một xe mô tô hiệu Honda, loại SH Mode, mang biển số 60B7-811.55, số khung: RLHJK011XNZ713349; số máy: JK01E0314794. Quá trình xác minh xác định xe mô tô trên là của Cao Hoàng Anh T, đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] *Các vấn đề khác:*

- Đối với bà Nguyễn Thị N1 (mẹ bị cáo Phạm Thị Bạch Tuyết N) là chủ sở hữu của căn nhà tọa lạc tại đội 4, ấp Đ, xã G, huyện T (nay là xã G), tỉnh Đồng Nai là địa điểm các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra xác định, bà N1 không biết việc con gái là Phạm Thị Bạch Tuyết N sử dụng căn nhà trên để thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Đặng Khánh V đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy cùng Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H và Phạm Thị Bạch Tuyết N. Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 234/QĐ-XPHC ngày 26/02/2025 đối với Đặng Khánh V số tiền 1.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là phù hợp.

- Đối với đối tượng đã liên lạc bán ma túy và đối tượng giao ma túy cho Trịnh Minh P. Do là buổi đêm nên bị cáo P không nhìn rõ đặc điểm nhận dạng của người này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an xã P nhưng do thiếu thông tin về đối tượng nên không xác định được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[10] *Về án phí:* Các bị cáo là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm b Khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;
- Áp dụng Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H và Phạm Thị Bạch Tuyết N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh P 07 (Bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2024.

Xử phạt bị cáo Cao Hoàng Anh T 07 (Bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 07 (Bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bạch Tuyết N 07 (Bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/12/2024.

2. Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh Đ hoàn lại theo Kết luận giám định số 2539/KL-KTHS ngày 17/12/2024; Một đĩa nhựa màu trắng (có dòng chữ chén bát H 01237464609).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Một ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 21/8/2025 qua số tài khoản 3949.0.1054438.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

+ Một loa JBL GO3; Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu trắng, số thuê bao 0969605720; Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số thuê bao 0352970928; Một điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, số thuê bao 0339046839; Một xe mô tô hiệu Honda, loại SH Mode, mang biển số 60B7-811.55, số khung: RLHJK011XNZ713349; số máy: JK01E0314794.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị Bạch Tuyết N một thẻ Căn cước công dân số 075304022217.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 20/8/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Nai).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Minh P, Cao Hoàng Anh T, Nguyễn Minh H và Phạm Thị Bạch Tuyết N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thị N1) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Hoàng A) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam KV Thống Nhất;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 - Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang